

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/DSST**
Ngày: 07/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Mỹ Huệ
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Ông Võ Thành Bê

* *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Cao Vũ Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2020/QĐST-DS ngày 18/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Út Th**, sinh năm 1975 (*có mặt*)
2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N** sinh năm 1931 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: ấp Ngọc Hồng, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

* *Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25/3/2020, bà Nguyễn Thị Út Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 28/5/2008 bà N có phần đất tại ấp Ngọc Hồng, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, bà N thỏa thuận với bà Th chuyển nhượng cho bà Th diện tích đất 17,5 công tầm 3 mét, bà Th đồng ý nhận chuyển nhượng, giá mỗi công 16 chỉ vàng 24kra/công, sau khi thỏa thuận bà N đã nhận tiền cọc của bà Th 02 lần, số tiền 32.000.000đ, bà Th yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đến đo đạc làm thủ tục thì các con bà N xảy ra mâu thuẫn, một số thành viên trong gia đình không thống nhất cho

bà N chuyển nhượng đất cho bà Th, nên việc chuyển nhượng đất không thành, bà Th đợi một thời gian cho bà N dàn xếp gia đình để tiếp tục thực hiện nhưng không biết nguyên nhân gì mà bà N không thực hiện theo thỏa thuận để chuyển nhượng đất cho bà Th mà đến tháng 10/2019 bà lại chuyển nhượng cho người khác, đến nay không trả tiền lại cho bà Th nên bà Th làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng cả hai lần bà N không đến nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Buộc bà N phải trả lại số tiền bà đã nhận của bà Th.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà N trả lại 32.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên kết luận: Trong quá trình tố tụng cũng nh- tại phiên tòa cơ bản thực hiện đúng theo trình tự thủ tục.

Đối với đương sự, nguyên đơn bà Th thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn bà N chưa thực hiện đầy đủ nên cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định: Vào năm 2018 bà Th có đưa cho bà N số tiền 32.000.000đ, mục đích để nhận chuyển nhượng đất của bà N nhưng không thực hiện được. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của bà Th tại phiên tòa hôm nay thì xác định số tiền bà Th đòi bà N trả lại là tiền cho mượn là có cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận buộc bà N phải trả số tiền thiếu nêu trên cho bà Th là phù hợp quy định tại các Điều 463 và 469 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị Út Th yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền cho mượn, khi cho mượn bà N có viết biên nhận nên xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, về thời gian cho mượn không quy định và không thỏa thuận trả tiền lãi nên được xác định là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không lãi. Khi bà Th khởi kiện bà Nguyễn Thị N đang cư trú ấp Ngọc Hồng xã Đông Hưng A, huyện An Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bà N biết việc bà Th khởi kiện đối với bà N đã hết thời hạn ghi trong thông báo bà N không ý kiến nên Tòa án thông báo về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã tổng đạt bà N đến lần thứ hai mà bà vẫn vắng mặt không lý do nên được xác định đây là những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sau đó Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để làm rõ biên nhận vay tiền của bà N đối với bà Th quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định cho bà N đến lần thứ hai mà bà vắng mặt không lý do, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà N theo quy định tại 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về nội dung và yêu cầu khởi kiện của các đương sự:*

Vào ngày 30/8 và 05/9/2018 bà Nguyễn Thị Út Th có cho bà Nguyễn Thị N mượn số tiền cả 02 lần là 32.000.000đ, khi cho mượn thì bà N có làm biên nhận cho bà Th, không quy định thời gian trả tiền vay, vay không có lãi, mục đích vay tiền là để bà N chuyển nhượng đất cho bà Út Th, sau khi nhận tiền của bà Th thì không thực hiện việc chuyển nhượng đất cho bà Th mà chuyển nhượng cho người khác không trả tiền mượn lại cho bà Th nên bà Th khởi kiện đòi bà N trả lại số tiền cho mượn là phù hợp quy định tại Điều 463 và 469 Bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Út Th và ý kiến của Kiểm sát viên buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền mượn của bà Th.

[4] *Về án phí DSST:* Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Nang là thuộc diện được miễn chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật nhưng vào ngày 02/12/2020 Tòa án nhân dân huyện An Minh đã giải thích cho bà N làm đơn xin miễn tiền án phí, bà không thực hiện nghĩa vụ của mình nên không có cơ sở để miễn tiền án phí cho bà N nên bà phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Út Th số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án, nếu ng-ời phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nói trên cho ng-ời đ-ợc thi hành án thì hàng tháng ng-ời phải thi hành án còn phải chịu một khoảng tiền lãi cho ng-ời đ-ợc thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, t-ong ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: 1.600.000Đ (32.000.000 X 5%). Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) phần có nghĩa vụ trả tiền cho bà Th.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Út Th 800.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà tạm nộp theo biên lai thu số 0007858 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (07/12/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này phần có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính của bản án này hoặc bản chính của bản án này niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tr-ờng hợp bản án này đ-ợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

Lê Mỹ Huê